

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 8- 2023.

V/v ly hôn giữa chị Xuân và anh
Hanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện
Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST - HNGĐ ngày
29 tháng 5 năm 2023. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 47/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn
phiên tòa số: 28/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Vũ Tuấn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị X1, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 23/5/2023 cũng như lời khai chị Trần Thị X
(tức Nguyễn Thị X1) tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Vũ Tuấn H vào
tháng 12/1990 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N. Sau
khi kết hôn vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng
phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan
điểm sống, anh H hay rượu chè không quan tâm đến chị. Mặc dù chị đã nhiều lần

động viên khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh chửi nhau. Đến tháng 12/2021 thì vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Tuấn H.

Về con chung: Chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) xác định giữa chị và anh H có ba con chung là cháu Vũ Thị P, sinh ngày 20/10/1991; cháu Vũ Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 12/4/2006. Hiện cháu H1 và cháu P đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T chưa trưởng thành đang do anh H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề anh H trực tiếp nuôi cháu T và chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Tuấn H mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng sau khi nhận anh H không ký vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng và Biên bản làm việc của Tòa án. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng cùng với chính quyền xã N đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Vũ Thị Huyền T là con chung của chị X1, anh H có bản tự khai thể hiện bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin ở với bố.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Chị Trần Thị X, sinh ngày 02/5/1977 trú tại xóm Đ xã N, huyện N tỉnh Nam Định trong hộ khẩu thường trú và trong Căn cước công dân số 036177004118 cấp ngày 15/8/2017 với chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1972 trong giấy Đăng ký kết hôn số 59 ngày 25/12/1990 là một người. Lý do có việc sai lệch họ ở Căn cước công dân, thông tin cư trú và sai lệch năm sinh ở Đăng ký kết hôn là vì khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cũng như làm Căn cước công dân chị X1 khai báo như vậy.

Ông Nguyễn Văn V là bố đẻ của chị X1 trình bày: Vợ chồng ông sinh được năm người con trong đó có chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1972. Năm 1990 chị X1 kết hôn với anh Vũ Tuấn H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống chị X1 có làm Căn cước công dân ghi thành Trần Thị X, sinh năm 1977 thì ông không biết được lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị X (Tức Nguyễn Thị X1) trình bày: Họ và tên cũng như năm sinh của chị chính xác là

Nguyễn Thị X1, sinh năm 1972 nhưng khi đi làm Căn cước công dân chị và anh H đi làm cùng với nhau. Do chị không để ý nên anh H đã khai báo lúc làm căn cước chị họ tên là Trần Thị X, sinh năm 1977. Chị đã đề nghị làm lại nhưng không được vì vậy để thuận tiện cho công việc sau này chị đề nghị Toà án ghi họ tên và năm sinh như Căn cước công dân mà chị đã được cấp ngày 15/8/2017.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) và anh Vũ Tuấn H; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 12/4/2006 cho anh Vũ Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị X1 phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Tuấn H hiện đang cư trú tại xã N, huyện N. Nay chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) có đơn xin ly hôn anh Vũ Tuấn H thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vũ Tuấn H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ xác định: Chị Trần Thị X, sinh ngày 02/5/1977 trú tại xóm Đ xã N, huyện N tỉnh Nam Định trong hộ khẩu thường trú và trong Căn cước công dân số 036177004118 cấp ngày 15/8/2017 với chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1972 trong giấy Đăng ký kết hôn số 59 ngày 25/12/1990 là một người. Nay chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) có quan điểm để thuận tiện cho công việc sau này chị đề nghị Toà án ghi họ tên và năm sinh như Căn cước công dân mà chị đã được cấp ngày 15/8/2017.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) và anh Vũ Tuấn H vào tháng 12 năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị X1 anh H chung sống đã không hạnh

phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh chửi nhau. Từ tháng 12/2021 cho đến nay vợ chồng chị X1, anh H sống ly thân. Nay chị X1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh H không nhất trí ly hôn vì gia đình công giáo nhưng anh H cố tình không ký biên bản, không hợp tác giải quyết vụ án. Toà án nhân dân huyện và chính quyền xã N đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh H. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) và anh Vũ Tuấn H ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị X1 xin ly hôn anh H xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) và anh Vũ Tuấn H có ba con chung là cháu Vũ Thị P, sinh ngày 20/10/1991; cháu Vũ Thị H1, sinh ngày 02/7/1994 và cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 12/4/2006. Hiện cháu H1 và cháu P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T chưa trưởng thành đang do anh H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị X1 có quan điểm để anh H trực tiếp nuôi cháu T và chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Phía anh H không có quan điểm về việc nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện cháu T đang do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cháu T có đơn xin ở với bố. Vì vậy, nên giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị X1 có quan điểm chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Phía anh H không có quan điểm nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1 - Xử lý hôn giữa chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) và anh Vũ Tuấn H.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 12/4/2006 cho anh Vũ Tuấn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị X1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung. (Hiện cháu T đang do anh H nuôi dưỡng).

3- Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị X (tức Nguyễn Thị X1) phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X1 đã nộp theo biên lai số 0000950 ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị X1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

Phạm Hùng Phương